

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: **25/2021/HNGĐ-PT**

Ngày 20 - 5 - 2021

V/v “*Ly hôn, tranh chấp nuôi
con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phương Đông

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Hưng

Bà Phan Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Thuận – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa

Ông Nguyễn Đình Thắng - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số: 07/2021/TLPT- HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021 về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 01/2021/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 26/2021/QĐPT- HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1997 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ A, KPB, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Trần Văn Quang, sinh năm 1984 (có mặt);

Địa chỉ: 66 Nguyễn Tất T, KPB, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/11/2020 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Trần Thị N trình bày:

Chị và anh Trần Văn Q tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 81/2018 ngày 18/6/2018. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị luôn phát sinh mâu thuẫn (đặc biệt là từ tháng 10/2020 cho đến nay). Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên có cãi nhau, đánh nhau. Anh Q hay chửi bới, xúc phạm, không tôn trọng chị và gia đình bên vợ. Cuộc sống vợ chồng anh, chị luôn cãi vã lẫn nhau, không có hạnh phúc. Khoảng tháng 10 năm 2020, chị và con đã về nhà mẹ ruột tại số nhà tổ A, khu phố B, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai sinh sống cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Trần Vũ L, sinh ngày 30/6/2019. Hiện nay, cháu L đang ở cùng với chị và gia đình mẹ ruột chị, do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị N trình bày: chị có công việc và thu nhập ổn định nên chị N yêu cầu nuôi dưỡng cháu L. Chị yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 (hai triệu) đồng, thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Chị N khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị N khai không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn là anh Trần Văn Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân : Về quá trình đăng ký kết hôn, con chung, nợ chung chị N trình bày, anh thừa nhận đúng. Tuy nhiên chị N yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N. Theo anh mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, anh thương con còn nhỏ. Anh thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có cãi nhau, đánh nhau, anh có cãi nhau với gia đình vợ nhưng do gia đình vợ chửi anh, vợ anh đã bỏ về nhà mẹ ruột tại số nhà tổ B, khu

phố B, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai sinh sống từ tháng 10/2020 cho đến nay. Trong thời gian trên anh đã nhiều lần tìm vợ nói chuyện hàn gắn nhưng không có kết quả. Anh mong Tòa án hàn gắn mâu thuẫn gia đình cho vợ chồng anh.

Về con chung: Anh Q và chị N có 01 con chung là cháu Trần Vũ L, sinh ngày 30/6/2019. Hiện nay cháu L đang ở cùng với chị N và gia đình mẹ ruột chị N, do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị N yêu cầu nuôi dưỡng con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con anh Q không đồng ý. Anh yêu cầu nuôi dưỡng cháu L vì anh có nơi ở ổn định, có công việc thu nhập ổn định đảm bảo có việc nuôi con. Anh nuôi con và tạm thời không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Q khai không có.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 01/2021/HNGĐ-ST ngày 21/01/2021, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai đã căn cứ:

Căn cứ: Vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 116, Điều 118, Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N. Chị Trần Thị N được ly hôn với anh Trần Văn Q.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Vũ L, sinh ngày 30/6/2019 cho chị Trần Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Trần Văn Q có nghĩa vụ giao cho chị Trần Thị N tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), kể từ ngày 21/01/2021 cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong,

bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Q thực hiện quyền này.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cơ quan, tổ chức được quy định tại Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Các đương sự đều khai không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết về nợ chung và tài sản chung của chị N, anh Q trong vụ án này.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/01/2021, bị đơn ông Trần Văn Q có đơn kháng cáo đối với bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 01/2021/HNGĐ-ST ngày 21/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng không đồng ý ly hôn, không đồng ý giao con chung là cháu Trần Vũ L, sinh ngày 30/6/2019 cho chị Trần Thị N nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

1. Về chấp hành pháp luật tố tụng: chấp hành theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

2. Về đơn kháng cáo của bị đơn Trần Văn Q : Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận Đơn kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm;

3. Các kiến nghị khác: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của anh Trần Văn Q làm trong hạn luật định, đã đóng tạm ứng án phí theo quy định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung Đơn kháng cáo của ông Trần Văn Q, Hội đồng xét xử các định:

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị N:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Trần Văn Q chung sống với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly từ 10/2020 đến nay. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng chị N vẫn cương quyết ly hôn và bản thân anh Q cũng không tìm được bất cứ biện pháp nào để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng giữa anh và chị N. Theo kết quả xác minh tại thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai cũng thể hiện mâu thuẫn hôn nhân của chị N, anh Q đã trầm trọng, thường xuyên cãi nhau, anh Q có lần đánh chị N và khi bố ruột chị N can ngăn thì anh Q có hành vi đánh bố ruột chị N (bút lục 26). Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của chị N về việc xin ly hôn với anh Q là có cơ sở.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh Q và chị N có 01 con chung là cháu Trần Vũ L, sinh ngày 30/6/2019. Cấp sơ thẩm xác định: Cháu Trần Vũ L, sinh ngày 30/6/2019 đang sống chung với chị N tại gia đình mẹ ruột chị tại tổ A, khu phố B, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai từ tháng 10/2020 cho đến nay. Hiện nay, cháu L dưới 36 tháng tuổi, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì con được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng cháu L của chị N và buộc anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) là có cơ sở.

- Về tài sản chung: các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia trong vụ án này;

- Về nợ chung các đương sự đều khai không có;

[2.2] Đối với đơn kháng cáo của bị đơn Trần Văn Q:

Tại phiên tòa phúc thẩm , anh Trần Văn Q không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình . Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận Đơn kháng cáo của anh Trần Văn Q.

[3] Về án phí dân sự trong vụ án hôn nhân gia đình: Trên cơ sở quy định tại Điều 147. Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Đối với án phí dân sự phúc thẩm: anh Trần Văn Q phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) – anh Trần Văn Q đã nộp số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004849 ngày 22/01/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

Đối với án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự về việc ly hôn - chị Trần Thị N đã nộp số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003448 ngày 27/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu; anh Trần Văn Q phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự về việc cấp dưỡng nuôi con.

[4] Đối với quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát đã được Hội đồng xét xử thể hiện quan điểm như trên đã phân tích.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận Đơn kháng cáo của anh Trần Văn Q. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 28, 38, 147, 148, 286, 293, 294, 313, 315 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 116, Điều 118, Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N. Chị Trần Thị N được ly hôn với anh Trần Văn Q.

2. Về con chung:

Giao con chung tên Trần Vũ L, sinh ngày 30/6/2019 cho chị Trần Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Anh Trần Văn Q có nghĩa vụ giao cho chị Trần Thị N tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), kể từ ngày 21/01/2021 cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Q thực hiện quyền này.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cơ quan, tổ chức được quy định tại Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Các đương sự đều khai không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết về nợ chung và tài sản chung của chị Nga, anh Quang trong vụ án này.

4. Về án phí dân sự trong vụ án hôn nhân gia đình:

Đối với án phí dân sự phúc thẩm : ông Trần Văn Q phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm (ông Trần Văn Q đã đóng số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004849 ngày 22/01/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

Đối với án phí dân sự sơ thẩm : Bà N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự về việc ly hôn, số tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp được khấu trừ vào tiền án phí. Ông Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự về việc cấp dưỡng nuôi con.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo hoặc bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- Ủy ban nhân dân thị trấn Vĩnh An;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Phương Đông